

BẢN TIN VĂN BẢN

TÊN VĂN BẢN	NỘI DUNG	Trang
-------------	----------	-------

QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

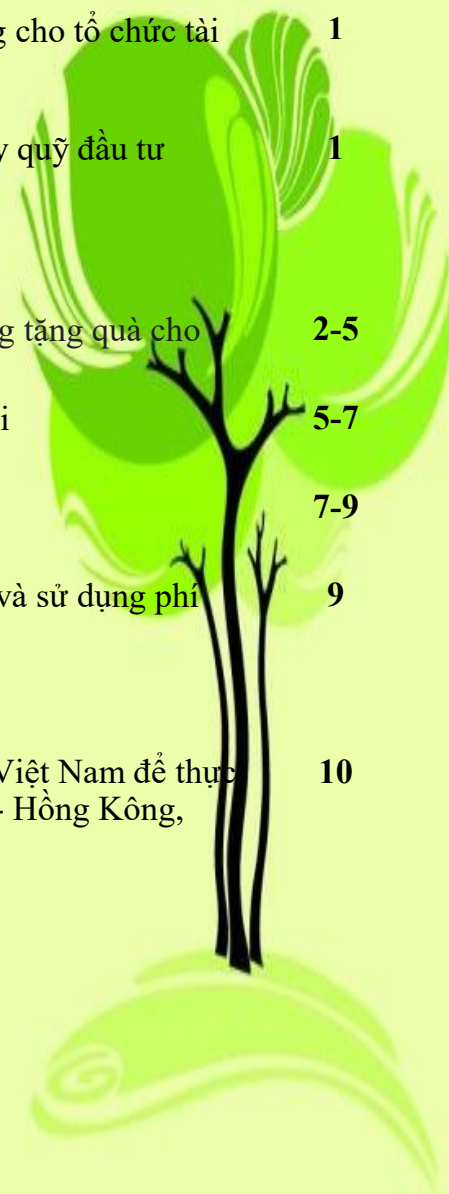
Thông tư 31/2019/TT-NHNN	Quy định hệ thống tài khoản kế toán áp dụng cho tổ chức tài chính vi mô	1
Thông tư 91/2019/TT-BTC	Sửa đổi Thông tư chế độ báo cáo của công ty quỹ đầu tư chứng khoán	1

THUẾ, PHÍ LỆ PHÍ

Công văn số 93851/CT-TTHT	Hướng dẫn chính sách thuế đối với hoạt động tặng quà cho khách hàng	2-5
Công văn số 95764/CT-TTHT	Hạch toán khoản chi công tác phí nước ngoài	5-7
Công văn số 95763/CT-TTHT	Về chính sách thuế	7-9
Thông tư 01/2020/TT-BTC	Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quản lý và giám sát hoạt động bảo hiểm	9

XUẤT NHẬP KHẨU

Nghị định 07/2020/NĐ-CP	Về biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN - Hồng Kông,	10
-------------------------	--	----



CÁC VĂN BẢN VỀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Ngày 30/12/2019, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư 31/2019/TT-NHNN về việc quy định hệ thống tài khoản kế toán áp dụng cho tổ chức tài chính vi mô.

Theo đó, tổ chức tài chính vi mô được mở thêm các tài khoản cấp 4 và cấp 5 đối với một số loại tài khoản về tiền mặt, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước, các khoản đầu tư, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, các khoản nợ chờ xử lý... Việc hạch toán trên các tài khoản này được tiến hành theo phương pháp ghi sổ kép (Nợ - Có).

Việc mở các tài khoản chi tiết nói trên phải bảo đảm ghi chép, theo dõi và lưu trữ thông tin chi tiết theo từng đối tượng kế toán và xử lý hạch toán các nghiệp vụ phát sinh theo đúng quy định của chuẩn mực và chế độ kế toán. Ngoài ra, tổ chức tài chính vi mô cũng cần lập và gửi các loại báo cáo chi tiết về từng đối tượng kế toán theo đúng quy định của Nhà nước và Ngân hàng Nhà nước.

Thông tư có hiệu lực từ ngày 01/03/2020.



Ngày 31/12/2019, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 91/2019/TT-BTC sửa đổi bổ sung một số Thông tư quy định về chế độ báo cáo và thủ tục hành chính áp dụng với công ty quản lý quỹ, quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán.

Theo quy định mới, chế độ báo cáo áp dụng với công ty quản lý quỹ, quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán được sử dụng bản sao hợp lệ. Bản sao hợp lệ là bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc bản sao đã được đối chiếu khớp đúng với bản chính. Quy định trước đây, bản sao hợp lệ là bản sao được chứng thực theo quy định pháp luật.

Đối với hồ sơ cá nhân, quy định mới bao gồm bản cung cấp thông tin theo mẫu, bản sao hợp lệ chứng minh thư nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác.

Về hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của tổ chức kinh doanh chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán và doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, Thông tư sửa đổi các quy định về chế độ báo cáo khi thu hồi giấy chứng nhận, chấm dứt đầu tư gián tiếp ra nước ngoài.

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2020.

CÁC VĂN BẢN VỀ THUẾ, PHÍ LỆ PHÍ

Ngày 16/12/2019 Cục thuế thành phố Hà Nội ban hành công văn số 93851/CT-TTHT Trả lời công văn số 19014/CV-SVN ghi ngày 28/11/2019 của Công ty TNHH Sakata Việt Nam hỏi về chính sách thuế, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Khoản 10 Điều 3 Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27/06/2013 của Chính phủ quy định thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân từ nhận quà tặng như sau:

“10. Thu nhập từ nhận quà tặng là chứng khoán, phần vốn trong các tổ chức kinh tế, cơ sở kinh doanh, bất động sản và các tài sản khác phải đăng ký sở hữu hoặc đăng ký sử dụng”

- Căn cứ Khoản 10 Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân hướng dẫn Thu nhập chịu thuế từ nhận quà tặng như sau:

“Điều 2. Các khoản thu nhập chịu thuế

Theo quy định tại Điều 3 Luật Thuế thu nhập cá nhân và Điều 3 Nghị định số 65/2013/NĐ-CP, các khoản thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân bao gồm:

10. Thu nhập từ nhận quà tặng.

Thu nhập từ nhận quà tặng là khoản thu nhập của cá nhân nhận được từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, cụ thể như sau:

a) Đối với nhận quà tặng là chứng khoán bao gồm: cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu, tín phiếu, chứng chỉ quỹ và các loại chứng khoán khác theo quy định của Luật Chứng khoán; cổ phần của các cá nhân trong công ty cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

b) Đối với nhận quà tặng là phần vốn trong các tổ chức kinh tế, cơ sở kinh doanh bao gồm: vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn, hợp tác xã, công ty hợp danh, hợp đồng hợp tác kinh doanh, vốn trong doanh nghiệp tư nhân, cơ sở kinh doanh của cá nhân, vốn trong các hiệp hội, quỹ được phép thành lập theo quy định của pháp luật hoặc toàn bộ cơ sở kinh doanh nếu là doanh nghiệp tư nhân, cơ sở kinh doanh của cá nhân.

c) Đối với nhận quà tặng là bất động sản bao gồm: quyền sử dụng đất; quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền với đất; quyền sở hữu nhà, kể cả nhà ở hình thành trong tương lai; kết cấu hạ tầng và các công trình xây dựng gắn liền với đất; kể cả công trình xây dựng hình thành trong tương lai; quyền thuê đất; quyền thuê mặt nước; các khoản thu nhập khác nhận được từ thừa kế là bất động sản dưới mọi hình thức; trừ thu nhập từ quà tặng là bất động sản hướng dẫn tại điểm d, khoản

CÁC VĂN BẢN VỀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

1, Điều 3 Thông tư này.

d) Đối với nhận quà tặng là các tài sản khác phải đăng ký quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng với cơ quan quản lý Nhà nước như: ô tô; xe gắn máy, xe mô tô; tàu thủy, kể cả sà lan, ca nô, tàu kéo, tàu đẩy; thuyền, kể cả du thuyền; tàu bay; súng săn, súng thể thao."

- Căn cứ Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế GTGT và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế GTGT.

+ Tại Khoản 3 Điều 7 hướng dẫn giá tính thuế như sau:

"3. Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ (kể cả mua ngoài hoặc do cơ sở kinh doanh tự sản xuất) dùng để trao đổi, biếu, tặng, cho, trả thay lương, là giá tính thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh các hoạt động này."

+ Tại Điều 8 quy định thời điểm xác định thuế GTGT như sau:

"Điều 8. Thời điểm xác định thuế GTGT

1. Đối với bán hàng hóa là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền...."

- Căn cứ Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/03/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/05/2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

+ Tại Khoản 2 Điều 16 quy định cách lập một số tiêu thức cụ thể trên hóa đơn như sau:

"2. Cách lập một số tiêu thức cụ thể trên hóa đơn

a) Tiêu thức "Ngày tháng năm" lập hóa đơn

Ngày lập hóa đơn đối với bán hàng hóa là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền. ..."

- Căn cứ Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

+ Tại Điểm a Khoản 7 Điều 3 sửa đổi, bổ sung điểm b Khoản 1 Điều 16 Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính

CÁC VĂN BẢN VỀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

hướng dẫn lập hóa đơn như sau:

"a) Sửa đổi, bổ sung điểm b Khoản 1 Điều 16 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 119/2014/TT-BTC) như sau:

"b) Người bán phải lập hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ, bao gồm cả các trường hợp hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động (trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ, tiêu dùng nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất)..."

+ Tại Điểm b Khoản 7 Điều 3 sửa đổi, bổ sung điểm b Khoản 2 Điều 16 Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính như sau:

"b) Sửa đổi, bổ sung điểm b Khoản 2 Điều 16 như sau:

"b) Tiêu thức "Tên, địa chỉ, mã số thuế của người bán", "tên, địa chỉ, mã số thuế của người mua"..."

Trường hợp khi bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ từ 200.000 đồng trở lên mỗi lần, người mua không lấy hóa đơn hoặc không cung cấp tên, địa chỉ, mã số thuế (nếu có) thì vẫn phải lập hóa đơn và ghi rõ "người mua không lấy hóa đơn" hoặc "người mua không cung cấp tên, địa chỉ, mã số thuế."

Riêng đối với các đơn vị bán lẻ xăng dầu, nếu người mua không yêu cầu lấy hóa đơn, cuối ngày đơn vị phải lập chung một hóa đơn cho

tổng doanh thu người mua không lấy hóa đơn phát sinh trong ngày...."

+ Tại Khoản 9 Điều 3 sửa đổi, bổ sung điểm 2.4 Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính như sau:

"9. Sửa đổi, bổ sung điểm 2.4 Phụ lục 4 như sau:

"2.4. Sử dụng hóa đơn, chứng từ đối với hàng hóa, dịch vụ khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu, cho, biếu, tặng đối với tổ chức kê khai, nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ:

a) Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại theo quy định của pháp luật về thương mại thì phải lập hóa đơn, trên hóa đơn ghi tên và số lượng hàng hóa, ghi rõ là hàng khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu và thực hiện theo hướng dẫn của pháp luật về thuế GTGT"



Đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động thì phải lập hóa đơn GTGT (hoặc hóa đơn bán hàng), trên hóa đơn ghi đầy đủ các chỉ tiêu và tính thuế

CÁC VĂN BẢN VỀ THUẾ XUẤT NHẬP KHẨU

GTGT như hóa đơn xuất bán hàng hóa, dịch vụ cho khách hàng."

Căn cứ quy định trên và theo nội dung trình bày của đơn vị, trường hợp Công ty TNHH Sakata Việt Nam có chương trình tặng quà cho khách hàng và cán bộ nhân viên vào các dịp lễ tết hàng năm theo đúng quy định của pháp luật thì Công ty thực hiện như sau:

1. Về hóa đơn:

- Trường hợp Công ty nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, không có hoạt động kinh doanh vàng, có mua các sản phẩm vàng đã qua chế tác (*đồng xu vàng có khắc logo của công ty*) từ các tổ chức có hoạt động mua, bán, chế tác vàng, bạc, đá quý để tặng cho khách hàng và nhân viên thì Công ty phải lập hóa đơn GTGT, trên hóa đơn ghi đầy đủ các chỉ tiêu và tính thuế GTGT như hóa đơn xuất bán hàng hóa, dịch vụ cho khách hàng.

- Trường hợp Công ty có mua phiếu quà tặng (phiếu mua hàng hóa) của nhà cung cấp để tặng cho khách hàng và nhân viên thì phiếu quà tặng là chứng từ có giá trị như tiền, được sử dụng như công cụ thanh toán, khi tặng phiếu quà tặng cho khách hàng và nhân viên, Công ty không phải lập hóa đơn GTGT.

- Trường hợp Công ty tặng quà là hàng hóa cho khách hàng và nhân viên mà khách hàng và nhân viên không lấy hóa đơn thì Công ty vẫn phải lập hóa đơn và ghi rõ "người mua không lấy hóa đơn" theo quy định.

2. Về Thuế thu nhập cá nhân:

Trường hợp Công ty tặng quà (hàng hóa, phiếu quà tặng) cho khách hàng là cá nhân nếu quà tặng mà khách hàng cá nhân nhận được không phải là các tài sản phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng theo quy định của pháp luật và không thuộc các khoản được quy định tại Khoản 10 Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính nêu trên thì không phải chịu thuế thu nhập cá nhân từ nhận quà tặng.

Ngày 23/12/2019 Cục thuế thành phố Hà Nội ban hành công văn số 95764/CT-TTHT, Trả lời công văn số 01/CV/SYSE đề ngày 04/12/2019 của Công ty SY Global Southeast Vina (sau đây gọi là "Công ty") hỏi về chính sách thuế, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung Điều 6 Thông tư 78/2014/TT-BTC (đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 119/2014/TT-BTC và Điều 1 Thông tư số 151/2014/TT-BTC) quy định:

“Điều 6. Các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế

1. Trừ các khoản chi không được trừ nêu tại Khoản 2 Điều này, doanh nghiệp được trừ mọi khoản chi nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

b) Khoản chi có đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.

CÁC VĂN BẢN VỀ THUẾ, PHÍ LỆ PHÍ

c) Khoản chi nếu có hoá đơn mua hàng hoá, dịch vụ từng lần có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên (giá đã bao gồm thuế GTGT) khi thanh toán phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt...

2. Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế bao gồm:

...

2.9. Chi phụ cấp tàu xe đi nghỉ phép không đúng theo quy định của Bộ Luật Lao động.

Chi phụ cấp cho người lao động đi công tác, chi phí đi lại và tiền thuê chỗ ở cho người lao động đi công tác nếu có đầy đủ hóa đơn, chứng từ được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế. Trường hợp doanh nghiệp có khoản tiền đi lại, tiền ở, phụ cấp cho người lao động đi công tác và thực hiện đúng theo quy chế tài chính hoặc quy chế nội bộ của doanh nghiệp thì được tính vào chi phí được trừ khoản chi khoản tiền đi lại, tiền ở, tiền phụ cấp.

Trường hợp doanh nghiệp cử người lao động đi công tác (bao gồm công tác trong nước và công tác nước ngoài) nếu có phát sinh chi phí từ 20 triệu đồng trở lên, chi phí mua vé máy bay mà các khoản chi phí này được thanh toán bằng thẻ ngân hàng của cá nhân thì đủ điều kiện là hình thức thanh toán không dùng tiền mặt và tính vào chi phí được trừ nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Có hóa đơn, chứng từ phù hợp do người

cung cấp hàng hóa, dịch vụ giao xuất.

- Doanh nghiệp có quyết định hoặc văn bản cử người lao động đi công tác.

- Quy chế tài chính hoặc quy chế nội bộ của doanh nghiệp cho phép người lao động được phép thanh toán khoản công tác phí, mua vé máy bay bằng thẻ ngân hàng do cá nhân là chủ thẻ và khoản chi này sau đó được doanh nghiệp thanh toán lại cho người lao động.”

- Căn cứ khoản 4 Điều 5 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ quy định:

“4. Ngôn ngữ được sử dụng trong hồ sơ thuế là tiếng Việt. Tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt. Người nộp thuế ký tên, đóng dấu trên bản dịch và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung bản dịch...”

Căn cứ các quy định trên, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

Trường hợp Công ty SY Global South East Vina cử người lao động đi công tác nước ngoài để phục vụ cho sản xuất, kinh doanh, có phát sinh chi phí đi lại, ăn ở tại nước ngoài thì các khoản chi này được hạch toán vào chi phí được trừ nếu có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo hướng dẫn tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC.

Đối với các chi phí phát sinh tại nước ngoài thì các hóa đơn, chứng từ của các khoản chi phí này

CÁC VĂN BẢN VỀ THUẾ, PHÍ LỆ PHÍ

phải phù hợp với quy định của nước sở tại và phải được dịch ra Tiếng Việt theo hướng dẫn tại Khoản 4 Điều 5 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính để làm căn cứ hạch toán chi phí được trừ.

Ngày 23/12/2019 Cục thuế thành phố Hà Nội ban hành công văn số 95763/CT-TTHT, Trả lời công văn số 313/2019/CV-IDJ đề ngày 03/12/2019 của Công ty cổ phần đầu tư IDJ Việt Nam (sau đây gọi là Công ty) hỏi về chính sách thuế đối với chương trình quay số trúng thưởng, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Nghị định 81/2018/NĐ-CP ngày 22/05/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại

+ Tại Điều 8 quy định đưa hàng mẫu, cung ứng dịch vụ mẫu để khách hàng dùng thử không phải trả tiền;

+ Tại Điều 17 quy định thông báo hoạt động khuyến mại

"Điều 17. Thông báo hoạt động khuyến mại

1. Thương nhân thực hiện thủ tục hành chính thông báo hoạt động khuyến mại đến tất cả các Sở Công Thương nơi tổ chức khuyến mại (tại địa bàn thực hiện khuyến mại) trước khi thực hiện chương trình khuyến mại theo hình thức quy định tại Khoản 8 Điều 92 Luật thương mại và các Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 14 Nghị định này. Hồ

sơ thông báo phải được gửi đến Sở Công Thương tối thiểu trước 03 ngày làm việc trước khi thực hiện khuyến mại (căn cứ theo ngày nhận ghi trên vận đơn bưu điện hoặc các hình thức có giá trị tương đương trong trường hợp gửi qua đường bưu điện, căn cứ theo ngày ghi trên giấy tiếp nhận hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, căn cứ theo thời gian ghi nhận trên hệ thống thư điện tử hoặc căn cứ theo ngày ghi nhận trên hệ thống trong trường hợp nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến).

2. Các trường hợp không phải thực hiện thủ tục hành chính thông báo thực hiện khuyến mại khi khuyến mại theo các hình thức quy định tại Khoản 8 Điều 92 Luật thương mại và các Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 14 Nghị định này:

a) Thương nhân thực hiện các chương trình khuyến mại quy định tại Khoản 1 Điều này có tổng giá trị giải thưởng, quà tặng dưới 100 triệu đồng;

b) Thương nhân chỉ thực hiện bán hàng và khuyến mại thông qua sàn giao dịch thương mại điện tử, website khuyến mại trực tuyến...."

- Căn cứ Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế GTGT và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế GTGT.

+ Tại Điều 7 quy định về giá tính thuế:

CÁC VĂN BẢN VỀ THUẾ, PHÍ LỆ PHÍ

“Điều 7. Giá tính thuế

3. Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ (kể cả mua ngoài hoặc do cơ sở kinh doanh tự sản xuất) dùng để trao đổi, biếu, tặng, cho, và thay lương, là giá tính thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh các hoạt động này...”

5. Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại theo quy định của pháp luật về thương mại, giá tính thuế được xác định bằng không (0); trường hợp hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại nhưng không thực hiện theo quy định của pháp luật về thương mại thì phải kê khai tính nộp thuế như hàng hóa, dịch vụ dùng để tiêu dùng nội bộ, biếu, tặng, cho.

Một số hình thức khuyến mại cụ thể được thực hiện như sau:

a) Đối với hình thức khuyến mại đưa hàng mẫu, cung ứng dịch vụ mẫu để khách hàng dùng thử không phải trả tiền, tặng hàng hóa cho khách hàng, cung ứng dịch vụ không thu tiền thì giá tính thuế đối với hàng mẫu, dịch vụ mẫu được xác định bằng 0.

Ví dụ 29: Công ty TNHH P sản xuất nước ngọt có ga, năm 2014 Công ty có thực hiện đợt khuyến mại vào tháng 5/2014 và tháng 12/2014 theo hình thức mua 10 sản phẩm tặng 1 sản phẩm. Chương trình khuyến mại vào tháng 5/2014 được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục khuyến mại được thực hiện theo quy định của pháp luật về thương

mại. Theo đó, đối với số sản phẩm tặng kèm khi mua sản phẩm trong tháng 5/2014, Công ty TNHH P xác định giá tính thuế bằng không (0).

Trường hợp chương trình khuyến mại vào tháng 12/2014 không được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục khuyến mại theo quy định của pháp luật về thương mại, Công ty TNHH P phải kê khai, tính thuế GTGT đối với số sản phẩm tặng kèm khi mua sản phẩm trong tháng 12/2014.

b) Đối với hình thức bán hàng, cung ứng dịch vụ với giá thấp hơn giá bán hàng, dịch vụ trước đó thì giá tính thuế GTGT là giá bán đã giảm áp dụng trong thời gian khuyến mại đã đăng ký hoặc thông báo.

Ví dụ 30: Công ty N hoạt động trong lĩnh vực viễn thông, chuyên bán các loại thẻ cào di động. Công ty thực hiện đăng ký khuyến mại theo quy định của pháp luật về thương mại dưới hình thức bán hàng thấp hơn giá bán trước đó cho thời gian từ ngày 1/4/2014 đến hết ngày 20/4/2014, theo đó, giá bán một thẻ cào mệnh giá là 100.000 đồng (đã bao gồm thuế GTGT) trong thời gian khuyến mại được bán với giá 90.000 đồng.

Giá tính thuế GTGT đối với một thẻ cào mệnh giá 100.000 đồng trong thời gian khuyến mại được tính như sau:

c) Đối với các hình thức khuyến mại bán hàng, cung ứng dịch vụ có kèm theo phiếu mua hàng, phiếu sử dụng dịch vụ thì không phải kê khai, tính thuế GTGT đối với phiếu mua hàng, phiếu sử dụng dịch vụ tặng kèm. ...”

CÁC VĂN BẢN VỀ THUẾ, PHÍ LỆ PHÍ

Căn cứ các quy định trên và nội dung tại công văn hỏi, Cục Thuế TP. Hà Nội hướng dẫn như sau:

- Trường hợp Công ty có hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại theo quy định của pháp luật về thương mại, thì khi lập hóa đơn cho hàng hóa khuyến mại giá tính thuế được xác định bằng không (0) theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Thông tư 219/2013/TT-BTC .

- Trường hợp Công ty có hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại nhưng Công ty không thực hiện theo quy định của pháp luật về thương mại thì phải kê khai, tính nộp thuế như hàng hóa, dịch vụ dùng để tiêu dùng nội bộ, biếu, tặng, cho.

Trường hợp Công ty có sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ (kể cả mua ngoài hoặc do cơ sở kinh doanh tự sản xuất) dùng để trao đổi, biếu, tặng, cho, trả thay lương, là giá tính thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh các hoạt động này.



Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 01/2020/TT-BTC về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quản lý và giám sát hoạt động bảo hiểm ngày 03/01/2020.

Cụ thể, mức thu phí quản lý và giám sát hoạt động bảo hiểm đối với từng tổ chức kinh doanh bảo hiểm như sau:

Trước hết, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài tại Việt Nam: 0,03% phí bảo hiểm gốc (sau khi trừ các khoản hoàn, giảm phí bảo hiểm gốc).

Tiếp theo, doanh nghiệp tái bảo hiểm: 0,03% phí nhận tái bảo hiểm (sau khi trừ các khoản hoàn, giảm phí nhận tái bảo hiểm).

Cuối cùng, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm: 0,03% doanh thu hoạt động môi giới bảo hiểm.

Đặc biệt, tổ chức thu phí (Cục Quản lý, giám sát Bảo hiểm - Bộ Tài chính) được để lại 48% tiền phí quản lý và giám sát hoạt động bảo hiểm thu được để sử dụng cho hoạt động giám sát, thu phí theo quy định tại Điều 5 Nghị định 120/2016/NĐ-CP. Chậm nhất là ngày 05 hàng tháng, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí quản lý và giám sát hoạt động bảo hiểm đã thu của tháng trước vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc Nhà nước.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 20/02/2020.

CÁC VĂN BẢN VỀ XUẤT NHẬP KHẨU

Ngày 05/01/2020, Chính phủ ban hành Nghị định 07/2020/NĐ-CP về biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN - Hồng Kông, Trung Quốc giai đoạn 2019 – 2022.

Theo đó, hàng hóa nhập khẩu được áp dụng thuế suất nhập khẩu ưu đãi đặc biệt (AHKFTA) phải đáp ứng đủ 04 điều kiện là: Thuộc trong Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt; được nhập khẩu từ các nước thành viên của Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN – Hồng Kông, Trung Quốc; hàng hóa được vận chuyển trực tiếp từ nước xuất khẩu; hàng hóa đáp ứng các quy định về xuất xứ hàng hóa và có C/O mẫu AHK theo quy định.

Trong đó, hàng hóa được vận chuyển trực tiếp từ nước xuất khẩu được hiểu là hàng hóa được chuyển giữa 02 nước thành viên hoặc trung gian qua nhiều nước thành viên hoặc qua 01 nước không là thành viên. Đối với trường hợp hàng hóa trung gian qua nhiều nước thành viên hoặc qua 01 nước không là thành viên thì phải đáp ứng các điều kiện: Hàng hóa quá cảnh là cần thiết vì lý do địa lý hoặc yêu cầu vận tải; không tham gia giao dịch thương mại, không tiêu thụ tại đó; không qua giai đoạn gia công, chế biến nào khác.

Nghị định có hiệu lực từ ngày 20/02/2020.



Bản thông tin cập nhật văn bản hàng tháng này được cung cấp cho khách hàng và toàn bộ nhân viên của ASA. Nội dung của bản cập nhật chỉ có tính chất tham khảo. Người đọc cần liên hệ với chuyên viên tư vấn trước khi sử dụng bất cứ thông tin nào trong bản tin.



THÔNG TIN LIÊN HỆ

BAN TƯ VẤN VÀ DỊCH VỤ KH:

Ông: Đỗ Quốc Việt
Phó Tổng Giám đốc
Tel: 0919 858 626
Email: vietdq.audit@gmail.com

Ông: Phạm Văn Biện
Phó Tổng Giám đốc
Tel: 0943 388 828
Email: phamvanbien2807@gmail.com

Ông: Lê Đức Minh
Phó Tổng Giám đốc
Tel: 0915 025 044
Email: leducminhkh@gmail.com

Ông Nguyễn Mạnh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Tel: 0931 236 226
Email: hungnm.asa@gmail.com

VĂN PHÒNG:

Tầng tòa 262 Nguyễn Huy Tưởng,
Thanh Xuân, Hà Nội
Phone: 024 3858 1122
Fax: 024 3858 5533
Email: kiemtoanasa@gmail.com
Website: www.asa-audit.com

Công ty TNHH Kiểm toán Châu Á (ASA) là một tổ chức tư vấn hợp pháp chuyên ngành Kiểm toán - Kế toán - Thuế - Tài chính, được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Giấy phép số 0102000577, cấp ngày 24 tháng 07 năm 2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội.

Nguyên tắc hoạt động

"Độc lập, khách quan và bí mật nghề nghiệp"

Phương châm hoạt động

"Uy tín và chất lượng là tiêu chí khẳng định thương hiệu ASA"

Slogan

"Hướng tới sự phát triển bền vững"

Cam kết dịch vụ

ASA đã và đang thực hiện cung cấp các dịch vụ kiểm toán và tư vấn cho hàng trăm khách hàng hoạt động trên phạm vi toàn lãnh thổ Việt Nam thuộc nhiều lĩnh vực hoạt động. Với sự am hiểu về hệ thống luật pháp của Việt Nam cùng với thái độ làm việc nghiêm túc và sự hiểu biết sâu sắc về đặc điểm hoạt động kinh doanh của mỗi khách hàng, ASA cam kết sẽ mang đến những dịch vụ tốt nhất.

Nhân sự ASA

Đội ngũ nhận sự với phong cách chuyên nghiệp, có chiều sâu về kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm nghề nghiệp, được đào tạo bài bản trong và ngoài nước, tốt nghiệp đại học và sau đại học chuyên ngành về kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, kinh tế xây dựng và luật học.